

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

và tranh chấp hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhận dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng ủy quyền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Tất T, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Trần Quốc Đ, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Chung cư T, đường L, phường P, Thành phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh và ông Hoàng Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2022.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ, ông S có mặt. Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Tất T là ông Trần Quốc Đ trình bày:

Ngày 06/5/2019, ông Nguyễn Trường S có vay của ông Trần Tất T số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông T cho ông S vay tiền thông qua các mối quan hệ quen biết. Ông T không biết hoàn cảnh kinh tế, làm ăn của ông S như thế nào. Ông T thấy ông S có tài sản đảm bảo, có khả năng trả nợ nếu không trả được nợ ông S đồng ý giao tài sản đảm bảo cho ông T sang tên, mua bán nên ông T đồng ý cho vay. Việc vay tiền có làm giấy tay, do ông S viết và ký tên, thời hạn vay là 30 ngày, không có thỏa thuận lãi suất. Mục đích ông S vay tiền để làm ăn. Để đảm bảo cho khoản vay, ông T ký với ông S hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2019 với nội dung nếu ông S không trả tiền vay đúng hạn, ông T được quyền mua bán, sang nhượng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 6, diện tích 64m² cùng căn nhà gắn liền với đất, tọa lạc tại số 66, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 04/5/2019 giữa ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị K, ông Kiều Công T với ông Nguyễn Trường S. Quá 30 ngày ông S không trả được tiền, ông T làm thủ tục sang tên đối với căn nhà và đất nêu trên nhưng không thực hiện được do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu phải có mặt ông S. Ông T có liên lạc với ông S thực hiện thủ tục sang tên nhà đất nhưng không được. Trong thời gian này, ông T không khởi kiện ông S là do chờ làm giấy tờ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông S có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/6/2019 đến ngày 07/9/2023 với lãi suất là 10%/năm với số tiền là 850.000.000 đồng. Yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2019 giữa ông S với ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Trường S trình bày:

Vào năm 2019, ông làm nghề chạy xe ôm tại quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc hành nghề ông ngồi quán uống cà phê, ông C (không biết rõ họ tên, năm sinh, chỗ ở hiện nay) đến bắt chuyện làm quen. Ông C xin số điện thoại, ông và ông C tiếp tục gặp nhau uống cà phê được 2 – 3 lần. Sau đó, ông C nói ông bị nợ xấu không vay được tiền nên nhờ ông ký tên hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở đối với căn nhà số 66, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Kiều Công T thay cho ông C. Thực tế, ông không biết ông T và căn nhà số 66 này ở đâu. Do ông C không có tiền mua căn nhà nêu trên nên ông C tiếp tục nhờ ông đứng tên vay tiền của ông Trần Tất T 2.000.000.000 đồng và ông ký hợp đồng ủy quyền cho ông T được quyền đứng tên căn nhà này nếu như ông C không trả được nợ cho ông T. Ông C đưa cho ông số tiền 2.000.000 đồng để về quê làm giấy tờ, nếu sang sổ đỏ được ông C hứa cho ông thêm 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi làm thủ tục sang sổ tại Văn phòng đăng ký đất đai thì không thực hiện được. Ông có liên lạc lại với ông C nhiều lần nhưng không được nên ông bỏ về quê đến nay.

Giấy vay tiền 2.000.000.000 đồng của ông T là do ông C và ông T kêu ông

viết, ký tên. Giấy vay tiền không có thỏa thuận lãi suất. Thực tế ông không có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng này mà do người khác đi cùng ông C nhận của ông T. Giữa ông C và ông T có quan hệ như thế nào ông không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông không đồng ý, do ông không có vay tiền của ông T, ông bị ông T và ông C lừa dối ký tên vào giấy vay tiền 06/5/2019. Ông đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2019 giữa ông với ông T.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tất T đối với ông Nguyễn Trường S.

Buộc ông Nguyễn Trường S có trách nhiệm trả cho ông Trần Tất T số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/6/2019 đến ngày 07/9/2023 với mức lãi suất là 10%/năm.

Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2019 giữa ông Nguyễn Trường S với ông Trần Tất T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trường S, cư trú tại ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre trả tiền nợ vay và yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông T khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/6/2019 đến ngày 07/9/2023 với lãi suất là 10%/năm với số tiền là 850.000.000 đồng và yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông S với ông T lập ngày 06/5/2019. Theo đó, ông T cho rằng sau khi ông S nhận tiền, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông theo đúng như thời gian đã thỏa thuận, đồng thời ông S không hợp tác trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền đã ký. Ông T đã nhiều lần liên hệ với ông S để giải quyết số tiền nợ vay nhưng không nhận được sự phản hồi từ ông S nên phát sinh tranh chấp. Còn ông S cho rằng, Giấy vay tiền là do ông T đọc cho ông viết, ký tên. Thực tế ông không có nhận tiền của ông T mà do người đi cùng ông C nhận nên ông không đồng ý trả nợ.

[2.1] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy vay tiền” viết tay thể hiện nội dung “Hôm nay ngày 06/05/2019 tại văn phòng Công chứng đ số 277, đường M, phường H, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi có nhận của anh Trần Tất T, chứng minh nhân dân 025235243 số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ Việt Nam đồng). Hẹn trong vòng 30 ngày, tôi sẽ hoàn trả lại đủ số tiền trên cho ông T. Hóa thời hạn trên ông T được quyền mua bán, sang nhượng theo hợp đồng ủy quyền số 00013429, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD”. Cuối giấy ông S có ký tên, điểm chỉ ghi họ tên người vay tiền và ghi “đã nhận đủ số tiền 2.000.000.000 đồng”. Ông S cũng thừa nhận “Giấy vay tiền” là do ông viết và ký tên. Sự thừa nhận của hai bên đương sự là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông S cho rằng ông C và ông T lừa dối, ông không có vay và không có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng của ông T nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể của ông C là người nhờ ông vay tiền của ông T nên không được chấp nhận. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông S có vay của ông T số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn trong vòng 30 ngày sẽ hoàn trả, giấy vay tiền thể hiện việc cho vay không có lãi suất nên đây là hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất. Do ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T yêu cầu ông S có trách nhiệm trả số tiền vay 2.000.000.000 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông S có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng.

[2.2] Ông T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/6/2019 đến ngày 07/9/2023, lãi suất là 10%/năm với số tiền là 850.000.000 đồng. Xét thấy, “Giấy vay tiền” do nguyên đơn cung cấp không thể hiện giữa ông T và ông S có thỏa thuận lãi suất tiền vay. Ông S không thừa nhận việc ông T cho vay có tính lãi suất. Tuy nhiên, do ông S vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông T nên ông T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/6/2019 đến ngày 07/9/2023 là 04 năm 03 tháng, với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận. Buộc ông S có trách nhiệm trả cho ông T số tiền lãi là $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 03 \text{ tháng} = 850.000.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông S với ông T, thấy rằng: Ngày 04/5/2019, Văn phòng Công chứng Đ địa chỉ số 277, đường M, phường H, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị K, ông Kiều Công T với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Trường S đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 6, diện tích 64m², cùng căn nhà gắn liền với đất tại địa chỉ số 66, đường N, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 06/5/2019, Văn phòng Công chứng Đ, chứng thực hợp đồng ủy quyền giữa ông S với ông T. Việc giao kết hợp đồng ủy quyền nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng của ông S đối với ông T. Trong trường hợp ông S không thực hiện nghĩa vụ

trả nợ, sau khi ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T được quyền đứng tên hoặc sang nhượng đối với căn nhà và quyền sử dụng thửa đất nêu trên để thu hồi nợ. Thực tế ông S chưa được cấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản đối với căn nhà, đất tại số 66, đường N. Ông S và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày không biết ông T, bà K, ông T là ai, có sinh sống tại căn nhà số 66, đường N hay không. Ông S không biết căn nhà số 66 ở đâu. Ông T có đến căn nhà số 66 nhưng đóng cửa, không biết ông T, bà K, ông T ở đâu nên không liên hệ được. Như vậy, việc ông S ủy quyền cho ông T thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thửa đất số 131, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ số 66, đường N nhưng không biết chủ sử dụng nhà, đất là ai, ở đâu. Ông T là người nhận ủy quyền nhưng không biết tình trạng của nhà đất có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bên ủy quyền hay không. Vì vậy, hợp đồng ủy quyền nêu trên không thể thực hiện được là do lỗi của hai bên. Tại phiên tòa, ông S cũng đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2019. Do đó, ông T yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2019 với ông S là có cơ sở được chấp nhận.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ được chấp nhận. Buộc ông S có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 2.850.000.000 đồng. Hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông S với ông T được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 06/05/2019.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí theo quy định là 2.850.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + (850.000.000 đồng x 2%) = 89.000.000 đồng. Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông T.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông T tự nguyện chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468, 562, 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tất T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền đối với ông Nguyễn Trường S.

Buộc ông Nguyễn Trường S có trách nhiệm trả cho ông Trần Tất T số tiền nợ tổng cộng là 2.850.000.000đ (Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó

tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và tiền lãi là 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Trường S với ông Trần Tất T được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 06/05/2019, số công chứng 00013429, Quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Trường S phải chịu số tiền 89.000.000đ (Tám mươi chín triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Trần Tất T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005979 ngày 19/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Trần Tất T số tiền tạm ứng phí đã nộp tổng cộng là 48.749.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0008208 ngày 28/6/2022 và số 0006180 ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang

